TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-PT
Ngày 21 - 01 - 2019
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Hùng
Các Thẩm phán: Ông Lê Duy Giá.
Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Mầu Mai Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 37/2018/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc "tranh chấp hôn nhân gia đình".

Do Bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐ-PT ngày 07 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994, trú tại: Thôn A, thị trấn D, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Hà: Ông Nguyễn Văn T - Luật sư Văn phòng Luật sư X - Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Bùi Thanh N, sinh năm 1990, trú tại: Thôn M, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 7 năm 2018, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Bùi Thanh N ngày 04/5/2017. Trước khi cưới có được tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Cưới xong chị về làm ăn chung sống cùng gia đình anh N ngay. Quá trình vợ chồng chung sống

ban đầu hạnh phúc. Đến tháng 3 năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần không quan tâm đến nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh N.

Bị đơn anh Bùi Thanh N trình bày: Chị H trình bày về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống là đúng còn nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do công việc của anh không có nhiều thời gian ở bên vợ con dẫn đến tình cảm vợ chồng dạn nứt. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn. Anh mong chị H về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con. Thời gian qua anh đã rất cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh đã ngồi lại thuyết phục động viên chị H về đoàn tụ nhưng chị H vẫn không đồng ý. Chị H về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 6/2018 đến nay trong thời gian sống ly thân anh vẫn thường xuyên đến động viên thăm nom vợ con và đón chị H về nhưng chị không về, vợ chồng vẫn có quan hệ tình cảm với nhau. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh không đồng ý, nguyện vọng của anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ vì con anh còn quá nhỏ và mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị H hoàn toàn không có gì trầm trọng có thể khắc phục được. Bản thân anh sẽ cố gắng khắc phục những nhược điểm của mình.

Về con chung: Chị H và anh N thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Trung C, sinh ngày 08/02/2018. Hiện nay con đang ở với chị H. Ly hôn chị H xin nuôi con và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị 1.500.000 đồng/01 tháng, anh N xin đoàn tụ để vợ chồng về cùng nhau nuôi dưỡng còn nếu chị H cương quyết ly hôn anh, anh đồng ý để chị H nuôi con nhưng anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; tài sản riêng; vay nợ; đất nông nghiệp và công sức: Chị H, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên, tại bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện V đã căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Bùi Thanh N.

Bản án còn giải quyết án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/11/2018, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H kháng cáo nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm cho chị H được ly hôn với anh N và yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng đến khi cháu được 18 tuổi.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho chị H được ly hôn anh N, giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và buộc anh N phải cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Đại diện Viện kiểm nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Kháng cáo của chị Nguyễn Thị H được làm trong hạn luật định, đơn hợp lệ được chấp nhận xem xét.

[2]. Về nội dung kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm cho chị H được ly hôn với anh N và yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng đến khi cháu được 18 tuổi. Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị H và anh N mới kết hôn, chung sống một thời gian ngắn thì chị sinh con. Thời điểm này người phụ nữ rất dễ bị chứng trầm cảm sau sinh; anh N và chị H còn trẻ nên chưa có kinh nghiệm để cùng nhau vượt qua giai đoạn khó khăn này. Do đó một số hành vi có thể nhỏ nhưng do chưa có kinh nghiệm nên dễ trở thành mâu thuẫn lớn. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lý do xin ly hôn, lý do của việc kháng cáo chị H đều cho rằng anh N chưa thực sự quan tâm đến vợ con; chị H không nêu được lý do nào khác để chứng minh mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài. Như vậy việc anh N chưa quan tâm đúng mức tới vợ con một phần do tính chất công việc, một phần do tuổi đời còn trẻ nên chưa có đủ ý thức về gia đình riêng; cho nên khuyết điểm này có thể sửa chữa và khắc phục được. Hiện tại anh N rất tha thiết xin được đoàn tụ, thể hiện bằng hành động cụ thể là vẫn thường xuyên thăm hỏi, động viên vợ con trong thời gian vợ chồng ly thân. Xét thấy anh chị mới có thời gian ngắn chung sống

và đã có một con chung dưới 12 tháng tuổi nên Tòa án sơ thẩm đã bác đơn ly hôn của chị H là mong muốn anh chị hàn gắn hạnh phúc gia đình, để anh chị chung sức chăm sóc nuôi dạy con chung. Tại phiên tòa phúc thẩm chị H không nêu được căn cứ xác đáng để xin ly hôn, do vậy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của chị, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 65/2018/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện V.

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Không chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Bùi Thanh N.

[2]. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2017/0002026 ngày 27/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2016/0004815 ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng, Tòa GĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Quang Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Duy Giá **Nguyễn Thị Thu Hà** **Phạm Quang Hùng**